

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HS-ST
Ngày 14+15/ 3/ 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Quang Huy**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lương Đình Bảo**

Bà **Ngô Thị Hoanh**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đinh Kim Dung** - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông **Mai Duy Định** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023 và ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 41/2022/HSST, ngày 28/11/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/HSST- QĐ ngày 09/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/HSST – QĐ, ngày 23/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/HSST – QĐ, ngày 12/01/2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 02/TB – TA, ngày 31/01/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/HSST – QĐ, ngày 14/02/2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB – TA, ngày 28/02/2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thanh L (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 17 tháng 6 năm 1961 tại Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ A, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh B; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Duy T (đã chết) và bà: Hà Thị V (đã chết); Vợ: Hoàng Thị T1 và có 02 con, con lớn sinh 1990, con nhỏ sinh 1994; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Duy P (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 14 tháng 12 năm 1976 tại Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ K, P. H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh B; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Ngái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch:

Việt Nam; Con ông: Hoàng Duy C và bà: Lý Thị M; Vợ: Mạc Thị T2 (đã ly hôn); Lê Minh T3 (đã ly hôn); Triệu Thu M1 (đã ly hôn); Con: có 03 con, lớn sinh 1999, con nhỏ sinh 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thị Mai X (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 12 tháng 11 năm 1978 tại Hải Dương; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ H, phường Q, TP T, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Kế toán Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh B; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hứa C1 và bà: Nguyễn Thị X1; Chồng: Bùi Đại N và có 03 con, con lớn sinh 2003, con nhỏ sinh 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh L:* Ông Hoàng Đình T4 - Luật sư Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B. Có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Duy P:* Ông Nguyễn Văn H, ông Dương Lê Ước A và ông Nguyễn Văn T5 - Luật sư Công ty L3 – Phòng 804, CT10 – A2, khu đô thị N, quận C, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa. Ông Nguyễn Văn H, ông Dương Lê Ước A có mặt tại phiên tòa ngày 14/3/2023, vắng mặt khi tuyên án ngày 15/3/2023. Ông Nguyễn Văn T5 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Mai X:* Ông Phan Minh T6 và bà Lê Thị Trúc Q - Luật sư, Văn phòng L4, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; Địa chỉ: P Tòa T - A X, quận C, thành phố Hà Nội. Ông Phan Minh T6 có mặt tại phiên tòa ngày 14/3/2023, vắng mặt khi tuyên án ngày 15/3/2023. Bà Lê Thị Trúc Q vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

** Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân tỉnh B. Người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Lê N1 – Sinh năm 1981; Chức vụ: Phó Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh B. Có mặt tại phiên tòa ngày 14/3/2023, vắng mặt khi tuyên án ngày 15/3/2023.

** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Thế K - Sinh năm 1960; trú tại: Tổ H, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

2. Đồng Quang L1 - Sinh năm 1974; trú tại: Tổ I, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Hoàng M2 - Sinh năm 1990; trú tại: Tổ C, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Thị N2 - Sinh năm: 1978; trú tại: Tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

5. Hoàng Thị Kim T7 - Sinh năm: 1987; trú tại: Tổ B, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

6. Vũ Thị H1 - Sinh năm 1983; trú tại: Tổ G, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

7. Đoàn Thị H2 - Sinh năm: 1980; trú tại: Tổ E, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

8. Hà Thị D - Sinh năm: 1986; trú tại: Tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

9. Phạm Thị Bích H3 - Sinh năm: 1966; trú tại: Tổ F, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

10. Dương Thị N3 - Sinh năm: 1979; trú tại: Tổ D, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

11. Lưu Thị T8 - Sinh năm: 1975; trú tại: Tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

12. Trần Thị V1 - Sinh năm: 1980; trú tại: Tổ F, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người tham gia tố tụng khác:* Giám định viên Sở Tài Chính: Bà Đinh Thị V2 – Sinh năm: 1970. Có mặt tại phiên tòa ngày 14/3/2023, vắng mặt khi tuyên án ngày 15/3/2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (viết tắt là TNHH M) Xổ số kiến thiết tỉnh Bắc Kạn được thành lập theo Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 04/7/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh B, địa chỉ tại tổ C, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh B là chủ sở hữu, vốn điều lệ là 10 tỷ đồng; trong đó Nguyễn Thanh L (sinh 1961, trú tại Tổ A, phường N, TP ., tỉnh Bắc Kạn) làm Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty theo Quyết định về việc chỉ định Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết tỉnh B số 1755/QĐ-UBND, ngày 28/9/2011 và Quyết định về việc bổ nhiệm lại chức vụ Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết tỉnh B số 1322/QĐ-UBND, ngày 17/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh B. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch công ty, Giám đốc doanh nghiệp Nhà nước được quy định tại Điều 30, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, ngày 13 tháng 10 năm 2015 về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp, cụ thể: “1. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp Nhà nước chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện chủ sở hữu và trước pháp luật

trong việc tổ chức quản lý chặt chẽ, đảm bảo tính đúng đắn, trung thực và hợp pháp của các khoản doanh thu, thu nhập khác và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. 2. Toàn bộ doanh thu, thu nhập khác và chi phí phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định của pháp luật và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán của doanh nghiệp theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.”

Hoàng Duy P sinh 1976, trú tại tổ K, phường H, TP ., tỉnh Bắc Kạn là Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh B. Tại các Thông báo về kết luận của lãnh đạo Công ty số 176/TB-XSKT, ngày 31/10/2016, số 64/TB-XSKT, ngày 08/5/2017, số 106/TB-XSKT, số 107/TB-XSKT cùng ngày 20/6/2017 và Quy chế phân công trách nhiệm lãnh đạo phụ trách các Chi nhánh xổ số khu vực thuộc Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh B (ban hành kèm theo Quyết định số 29/QĐ-XSKT, ngày 06/02/2017 của Chủ tịch, kiêm giám đốc Công ty X) Hoàng Duy P được Ban giám đốc phân công nhiệm vụ, quyền hạn phụ trách kinh doanh chỉ đạo trực tiếp và chủ trì các cuộc họp của phòng Kế hoạch – Kinh doanh và trực tiếp thay mặt Công ty ký hợp đồng với các đại lý chi trả hoa hồng cho đại lý là 10% đối với xổ số truyền thống và 12% đối với xổ số bốc.

Nguyễn Thị Mai Xuân sinh 1978, trú tại Tổ H, phường Q, TP T, tỉnh Thái Nguyên làm Kế toán trưởng theo Quyết định bổ nhiệm Kế toán trưởng công ty S, ngày 10/7/2012 và Quyết định bổ nhiệm lại chức danh Kế toán trưởng công ty số 121/QĐ-XSKT, ngày 07/7/2017 của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh B. Nhiệm vụ, quyền hạn của kế toán trưởng được quy định tại Điều 53, Luật Kế toán năm 2015, đó là “1. Kế toán trưởng là người đứng đầu bộ máy kế toán của đơn vị có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán trong đơn vị kế toán. 2. Kế toán trưởng của cơ quan Nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp sử dụng ngân sách Nhà nước và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ ngoài nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này còn có nhiệm vụ giúp người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán giám sát tài chính tại đơn vị kế toán....”

Sau quá trình thanh tra, trên cơ sở chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B tại công văn số 336 ngày 24/12/2018 và Báo cáo kết quả thanh tra ngày 09/10/2018 của Đoàn thanh tra liên ngành về việc thanh tra việc quản lý tài chính tại Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh B. Ngày 08/01/2020, Thanh tra Nhà nước tỉnh B đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm trong quản lý kinh tế đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B để thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Kết thúc điều tra xác định, thời điểm từ năm 2016 đến năm 2018 trong việc quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước tại Công ty TNHH MTV X đã có một số sai phạm, cụ thể như sau:

Phòng Kế hoạch – Kinh doanh thuộc Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh B không phải là đại lý, không được hưởng hoa hồng đại lý, tuy nhiên ngày 04/02/2016 Ban Giám đốc Công ty gồm có Nguyễn Thanh L, Hoàng Duy P, Nguyễn Thế K) cùng Kế toán trưởng Nguyễn Thị Mai X và các Trưởng phòng đã họp bàn thống nhất chủ trương giao khoán hoa hồng cho phòng Kế hoạch - Kinh doanh là 15% (mười năm phần trăm) đối với vé xổ số bốc và vé xổ số truyền thống. Thực hiện chủ trương này, ngày 04/02/2016 bà Hà Thị D Phó Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính soạn thảo Quyết định số 31/QĐ-XSKT và ngày 30/6/2017 ông Đồng Quang L1 Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính soạn thảo Quyết định số 115/QĐ-XSKT để giao khoán hoa hồng đại lý cho phòng Kế hoạch - Kinh doanh của Công ty theo mức 15% (mười năm phần trăm) đối với vé xổ số bốc, vé xổ số truyền thống và trình Nguyễn Thanh L là Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV X ký ban hành. Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh B giao Hoàng Duy P Phó Giám đốc thay mặt Công ty ký hợp đồng với các đại lý xổ số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn để chi trả hoa hồng cho các đại lý theo tỷ lệ 10% (mười phần trăm) đối với xổ số truyền thống, 12% (mười hai phần trăm) đối với xổ số bốc và giao phòng Kế hoạch - Kinh doanh thay mặt Công ty để chi trả hoa hồng đại lý cho các đại lý theo đúng như hợp đồng đã ký kết. Như vậy, hoa hồng đại lý Công ty TNHH MTV X tỉnh giao cho phòng Kế hoạch - Kinh doanh cao hơn 5% (năm phần trăm) hoa hồng xổ số bốc và 3% (ba phần trăm) hoa hồng xổ số truyền thống so với thực tế hoa hồng các đại lý được nhận. Sau khi phòng Kế hoạch - Kinh doanh thay mặt Công ty TNHH MTV X để chi trả hoa hồng cho các đại lý (10% đối với xổ số truyền thống, 12% đối với xổ số bốc) theo như hợp đồng thì cán bộ phụ trách vé xổ số truyền thống, xổ số bốc thuộc phòng Kế hoạch – Kinh doanh bù trừ tiền vé, tiền trúng thưởng, tiền hoa hồng (15%), sau đó mới nộp số tiền chênh lệch cho phòng Kế toán – Tài chính. Các cá nhân gồm Nguyễn Thị N2, Đoàn Thị H2, Vũ Thị H1, Hoàng Thị Kim T7 là Kế toán viên thuộc Phòng Kế toán – Tài chính không căn cứ vào hợp đồng được ký kết giữa Công ty X kiến thiết tỉnh với các đại lý xổ số theo quy định mà căn cứ vào Quyết định số 31/QĐ-XSKT và Quyết định số 115/QĐ-XSKT để lập chứng từ, viết phiếu chi thanh toán tiền phần trăm hoa hồng cho phòng Kế hoạch – Kinh doanh là 15% (mười năm phần trăm) và trình Nguyễn Thị Mai X – Kế toán trưởng ký chứng từ, Nguyễn Thanh L – Chủ tịch kiêm Giám đốc, chủ tài khoản ký duyệt chi giao cho Phòng Kế hoạch- Kinh doanh để trả cho các đại lý.

Từ năm 2016 đến năm 2018, sau khi đã trả cho các đại lý, tổng số tiền hoa hồng còn lại là 184.835.975đ (một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm ba năm nghìn, chín trăm bảy năm đồng) - tương ứng với 5% hoa hồng xổ số truyền thống và 3% xổ số bốc được giữ lại tại phòng Kế hoạch – Kinh doanh. Số tiền này Công ty TNHH MTV X không đưa vào sổ sách doanh thu của Công ty để quản lý, sử dụng và cũng không giao cho phòng Kế hoạch - Kinh doanh quản lý, sử dụng số tiền này như thế nào, chi vào nội dung gì mà để phòng Kế hoạch – Kinh doanh tự quản lý và sử dụng hết vào các nội dung theo quy định của pháp luật là không được chi, hóa đơn, chứng từ chi không đúng, không đầy đủ, thẩm quyền duyệt chi không đúng dẫn đến gây thất thoát, lãng phí, như: Chi cho cán bộ đi bán vé hội xuân: 88.145.000đ (tám mươi tám triệu, một trăm bốn năm nghìn đồng); chi phục vụ ăn uống, ban tổ chức hội xuân, cán bộ phòng bán vé: 58.275.000đ (năm mươi tám triệu, hai trăm bảy năm nghìn đồng); chi phục vụ khác để bán vé như thuê địa điểm, tiền gửi xe, mua cây dựng rạp, thuê bàn ghế: 29.870.000đ (hai mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng); chi công tác tuyên truyền 2.830.000đ (hai triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng); chi mua hoa, biển quảng cáo: 4.984.000đ (bốn triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng); chi thêm hoa hồng cho đại lý và cán bộ công ty P1 chi nhánh: 5.812.900đ (năm triệu, tám trăm mười hai nghìn, chín trăm đồng); hỗ trợ cán bộ Công ty X đi bán vé tại chợ phiên: 5.036.000đ (năm triệu, không trăm ba sáu nghìn đồng) và một số khoản chi khác.

Từ tháng 02/2016 đến ngày 14/5/2017, ông Đồng Quang L1 Trưởng phòng Kế hoạch- Kinh doanh đã ký duyệt chi tổng số tiền 90.661.900đ (chín mươi triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn, chín trăm đồng); từ ngày 15/7/2017 đến tháng 4/2019 Nguyễn Hoàng M2 Trưởng phòng Kế hoạch- Kinh doanh đã ký duyệt chi tổng số tiền 94.174.075đ (chín mươi tư triệu, một trăm bảy mươi nghìn, không trăm bảy năm đồng). Toàn bộ những khoản tiền này không thông qua Ban Giám đốc và kế toán của Công ty.

Đối với Hoàng Duy P là Phó Giám đốc Công ty trực tiếp phụ trách kinh doanh và sinh hoạt cùng phòng Kế hoạch – Kinh doanh, được cùng Ban Giám đốc Công ty bàn bạc thống nhất trước khi Nguyễn Thanh L ký ban hành các Quyết định số 31/QĐ-XSKT và Quyết định số 115/QĐ-XSKT giao khoán tỷ lệ hoa hồng vé xổ số Bốc, xổ số Truyền thống cho phòng Kế hoạch - Kinh doanh, đồng thời P còn là người trực tiếp ký hợp đồng chi trả hoa hồng cho các đại lý là 10% đối với xổ số truyền thống và 12% đối với xổ số bốc. Quá trình chi tiêu số tiền 184.835.975đ (một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm ba năm nghìn, chín trăm bảy năm đồng) mặc dù Đồng Quang L1 và Nguyễn Hoàng M2 không báo cáo, nhưng Hoàng Duy P biết rõ nguồn gốc và việc chi số tiền này, bản thân P

còn trực tiếp được sử dụng một phần số tiền khi đi công tác, tiếp khách cùng phòng Kế hoạch – Kinh doanh, P đã bỏ mặc hậu quả xảy ra và không có ý kiến, hành động cụ thể ngăn chặn, dẫn đến làm thất thoát cho Nhà nước số tiền 184.835.975đ. Quá trình điều tra Hoàng Duy P đã tự nguyện nộp lại số tiền 15.000.000đ (mười năm triệu đồng) để khắc phục hậu quả xảy ra.

Trong tổng số tiền 184.835.975đ (một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm ba năm nghìn, chín trăm bảy năm đồng), các kế toán lập chứng từ thanh toán phần trăm hoa hồng cho phòng Kế hoạch – Kinh doanh như sau: Hoàng Thị Kim T7 Kế toán viên lập chứng từ thanh toán tổng số tiền 120.854.225đ (một trăm hai mươi triệu, tám trăm năm tư nghìn, hai trăm hai năm đồng); Nguyễn Thị N2 Kế toán viên lập chứng từ thanh toán tổng số tiền 8.316.000đ (tám triệu, ba trăm mười sáu nghìn đồng), Vũ Thị H1 Kế toán viên lập chứng từ thanh toán tổng số tiền 48.903.200đ (bốn mươi tám triệu, chín trăm linh ba nghìn, hai trăm đồng), Đoàn Thị H2 Kế toán viên lập chứng từ thanh toán tổng số tiền 6.762.550đ (sáu triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm năm mươi đồng). Nguyễn Thị Mai X (Kế toán trưởng) trực tiếp ký chứng từ trình thanh toán tổng số tiền 166.346.975đ (một trăm sáu mươi sáu triệu, ba trăm bốn sáu nghìn, chín trăm bảy năm đồng), trong số tiền các Kế toán viên trình lên.

Các khoản đã chi của Phòng Kế hoạch- Kinh doanh nêu trên đều được thể hiện trong báo cáo tài chính và hằng năm đều đã kiểm toán độc lập. Tuy nhiên, đối với báo cáo tài chính năm 2017, 2018 của Công ty TNHH MTV X chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh B phê duyệt do năm 2017 quá trình Sở Tài chính kiểm tra phát hiện một số sai phạm và ghi vào biên bản nhưng do Công ty TNHH MTV Xỏ số kiến thiết tỉnh B không nhất trí, không ký vào biên bản nên Sở Tài chính đã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để thanh tra toàn diện Công ty TNHH MTV X, đến đầu năm 2019 mới kiểm tra báo cáo tài chính của năm 2018. Do Cơ quan CSĐT Công an tỉnh đang điều tra liên quan đến các khoản chi của năm 2018 nên chưa xem xét, duyệt báo cáo tài chính năm 2018 và xác định Báo cáo tài chính chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thì hạch toán cho năm tiếp theo dựa vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập và cuối năm Công ty TNHH MTV Xỏ số kiến thiết tỉnh B mới lập báo cáo tài chính năm về hoạt động kinh doanh của Công ty. Do vậy việc chi tiêu không phụ thuộc vào báo cáo tài chính có được phê duyệt hay không, việc Công ty TNHH MTV Xỏ số kiến thiết tỉnh B chi sai đã gây thiệt hại cho Nhà nước kể cả khi chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo tài chính.

Trên cơ sở Quyết định trưng cầu giám định của Cơ quan điều tra, ngày 20/9/2019, ngày 13/3/2020 và ngày 29/4/2020 Giám định viên Sở Tài chính tỉnh B đã có kết luận giám định, cụ thể như sau:

Phòng Kế hoạch – Kinh doanh của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh B không phải là một đơn vị dự toán ngân sách Nhà nước; không được lập khoản quỹ riêng từ tiền hoa hồng Đại lý; không được chi không qua kế toán và Giám đốc của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh B.

Phòng Kế hoạch – Kinh doanh trích lại số tiền 184.835.975 đồng là sai. Thiệt hại cho Nhà nước bằng số tiền hoa hồng đại lý phòng Kế hoạch – Kinh doanh đã trích lại.

- Bộ phận kế toán có trách nhiệm kiểm tra chứng từ kế toán và chỉ sau khi kiểm tra, xác minh tính pháp lý của chứng từ thì mới dùng chứng từ đó để ghi sổ kế toán.

- Trước khi trình chủ tài khoản duyệt chi, Kế toán trưởng, kế toán viên phải kiểm tra tính rõ ràng, trung thực, đầy đủ, tính hợp pháp... của chứng từ kế toán. Khi kiểm tra chứng từ kế toán nếu phát hiện hành vi vi phạm chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của Nhà nước, phải từ chối thực hiện (Không xuất quỹ, thanh toán, xuất kho...) đồng thời báo ngay cho Giám đốc Doanh nghiệp biết để xử lý kịp thời theo pháp luật hiện hành.

- Chứng từ kế toán trả hoa hồng cho đại lý xổ số bắt buộc phải có chữ ký đã nhận tiền hoa hồng của các đại lý, để chứng minh đại lý đã nhận đủ số tiền chi trả hoa hồng trong kỳ; xác nhận của các đại lý xổ số về số lượng vé đã tiêu thụ trong kỳ làm cơ sở để tính tiền hoa hồng cho các đại lý và các tài liệu thể hiện việc đại lý đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ kinh tế ghi trong hợp đồng đại lý với Công ty.

Quá trình điều tra, các cá nhân Phòng kế hoạch – Kinh doanh đã nộp lại số tiền 184.840.000đ (một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm bốn nghìn đồng), Nguyễn Hoàng M2, Trưởng phòng kế hoạch – Kinh doanh Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh B được Nguyễn Thanh L, Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty chỉ đạo nộp số tiền để khắc phục hậu quả ngày 04/9/2020 đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn.

Tại bản cáo trạng số: 46/CT-VKSBK-P1, ngày 25/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thị Mai X và Hoàng Duy P về tội“Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” quy định tại Điều 219 của Bộ luật Hình sự.

Điều 219 Bộ luật Hình sự có nội dung:

“1. Người nào được giao quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước mà vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản, gây thất thoát, lãng phí từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. ...

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như cáo trạng đã nêu, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào nhân thân, các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

* Đối với bị cáo Nguyễn Thanh L:

Về trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thanh L được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như sau: tuy chưa ăn năn, hối cải và cho rằng hành vi bị cáo thực hiện không đáng bị xử lý hình sự nhưng tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về hành vi đã thực hiện được cáo trạng xác định là hành vi phạm tội của mình. Quá trình công tác được Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh B tặng 01 Bằng khen năm 2017; 02 Bằng khen của Bộ T11 năm 2015 và 2017; 02 Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh B năm 2013 và 2016; 01 chứng nhận huy hiệu 30 năm tuổi đảng năm 2017 và chỉ đạo khắc phục hậu quả số tiền bị can gây thất thoát, lãng phí do vậy được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1, Điều 219; điểm b, s v khoản 1, khoản 2 Điều 51/Bộ luật hình sự 2015 phạt bị cáo Nguyễn Thanh L từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

* Đối với bị cáo Hoàng Duy P được hưởng các tình tiết giảm nhẹ đã tự nguyện khắc phục một phần số tiền bị cáo gây thất thoát, lãng phí, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và được UBND tỉnh B, Bộ T11 và Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh B tặng nhiều Bằng khen, giấy khen, có bố để là ông Hoàng Duy C được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, là thương binh hạng 4/4. Vì vậy đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1, Điều 219; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51/Bộ luật hình sự 2015 phạt bị cáo P từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

* Đối với bị cáo Nguyễn Thị Mai X: Bị cáo Nguyễn Thị Mai X quá trình điều tra và truy tố có thành khẩn khai báo những hành vi của mình nhưng không ăn năn hối cải. Tại phiên tòa luật sư bị cáo cung cấp thêm cho HĐXX các tài liệu là Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban tỉnh, giám đốc sở T cũng như những tài liệu liên quan đến bị cáo sinh con năm 2020. Viện kiểm sát nhận định bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v s,n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự vì vậy đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1, Điều 219; điểm s, v n khoản 1, khoản 2 Điều 51/Bộ luật hình sự 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mai X từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo không nhằm mục đích vụ lợi cá nhân nên không áp dụng hình phạt bổ sung cũng như khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Lưu theo hồ sơ vụ án các giấy tờ, chứng từ kế toán, sổ sách có liên quan.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn dân sự UBND tỉnh B có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền đã làm thất thoát sung quỹ Nhà nước; đại diện Viện kiểm sát nhất trí với nội dung này.

Trong vụ án kiểm sát nhận thấy còn có thiếu sót của cơ quan quản lý tại địa phương trong việc kiểm tra, kiểm toán vì vậy sẽ có văn bản gửi cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để chấn chỉnh phòng ngừa việc vi phạm trong thời gian tới.

Án phí và vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật.

* Tranh luận các bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo có ý kiến:

Bị cáo Nguyễn Thanh L và người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh L là ông Hoàng Đình T4 có ý kiến:

- Không áp dụng bộ luật hình sự năm 2015 xử lý hành vi xảy ra trước ngày 01 tháng 01 năm 2018: Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội thì Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực từ 01/01/2018 và đặc biệt tội phạm vi phạm việc quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước là một tội phạm mới mà trước đây chưa được quy định tại Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy khởi tố điều tra, truy tố ông Nguyễn Thanh L về hành vi đã ký 02 quyết định vào năm 2016, 2017 là thiếu căn cứ pháp lý vì lúc này Bộ luật Hình sự chưa quy định tội phạm này.

- Cáo trạng của Viện kiểm sát cũng không nêu lên được bị cáo Nguyễn Thanh L vi phạm quy định cụ thể nào của Luật quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước. Hay nói cách khác, ông L không phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước quy định tại Điều 219 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Chưa xác định được tài sản 184.835.975đ (*Một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm bảy mươi lăm đồng*) là tài sản của Nhà nước hay của doanh nghiệp Nhà nước.

- Quyết định số 31/QĐ - XSKT ngày 4/2/2016 và Quyết định số 115/QĐ – XSKT ngày 30/6/2017 ban hành là phù hợp, đúng thẩm quyền và nội dung: đối chiếu với hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số thì việc Ban lãnh đạo Công ty họp bàn và thống nhất để ông Nguyễn Thanh L ký ban hành 02 quyết định là hoàn toàn phù hợp với quy định của Thông tư 01/2014/TT – BTC ngày 02/1/2014 của Bộ T11 (mức chi hoa hồng không vượt quá 15%). Quyết định này không gây thất thoát cho doanh thu của Công ty X. Phòng kế hoạch kinh doanh trong quá trình tổ chức thực hiện theo Điều 2 của 2 quyết định nếu có sai sót thì đây là trách nhiệm của ông Hoàng Duy P - Phó

Giám đốc phụ trách phòng kinh doanh chứ không phải trách nhiệm của ông Nguyễn Thanh L.

- Số tiền 184.835.975đ (*Một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm bảy mươi lăm đồng*) không thất thoát lãng phí.

Bị cáo Hoàng Duy P và người bào chữa cho bị cáo Hoàng Duy P là ông Nguyễn Văn H và ông Dương Lê Ước A có ý kiến:

- Bị cáo Hoàng Duy P không phải là người được giao trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản của Nhà nước trong Công ty TNHH một thành viên xổ số kiến thiết tỉnh B, không có hành vi trái pháp luật gây thất thoát lãng phí vì vậy không phạm tội. Bị cáo Hoàng Duy P không thỏa mãn về chủ thể của tội phạm, bởi ông P không phải là người được giao, quản lý sử dụng tài sản của Nhà nước.

- Bị cáo Hoàng Duy P không quản lý số tiền 184.835.975đ (*Một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm bảy mươi lăm đồng*), số tiền này do hai trưởng phòng là ông Đồng Quang L1 và ông Nguyễn Hoàng M2 quản lý và có phương án chi theo chỉ đạo của Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng do vậy Phó giám đốc Hoàng Duy P không có vai trò trong việc sử dụng số tiền trên. Bị cáo Hoàng Duy P điều hành công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc kiêm chủ tịch công ty. Một số công việc của phòng Kế hoạch – Kinh doanh bị cáo P không nắm được vì T9 phòng không báo cáo trực tiếp với bị cáo P mà Trưởng phòng sẽ báo cáo trực tiếp lên Chủ tịch kiêm giám đốc của công ty – Ông Nguyễn Thanh L. Và bị cáo Hoàng Duy P không được quản lý, quyết định chi tiêu đến số tiền 184.835.975đ (*Một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm bảy mươi lăm đồng*).

- Thẩm quyền ban hành Quyết định số 31/QĐ-XSKT ngày 04/02/2016 và Quyết định số 115/QĐ-XSKT ngày 30/06/2017 của ông Nguyễn Thanh L là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật.

- Số tiền 184.835.975đ (*Một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm bảy mươi lăm đồng*) không thất thoát lãng phí, công ty TNHH MTV xổ số kiến thiết tỉnh B chỉ ra là nhằm mục đích nâng cao hiệu quả kinh doanh, nhằm tăng doanh thu từ đó tăng ngân sách cho Nhà nước, đây là một chiến lược kinh doanh của công ty. Không những vậy, việc tự chủ kinh doanh cũng đã được Chủ sở hữu là UBND tỉnh B cho phép tại khoản 6 Điều 9 của Điều lệ. Do đó, số tiền 184.835.975đ (*Một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm bảy mươi lăm đồng*) trên là khoản chi tiêu hợp lý, không có sự thất thoát, lãng phí ở đây.

- Vì sao không xử lý hình sự đối với ông Đồng Quang L1 và ông Nguyễn Hoàng M2.

- Bị cáo Hoàng Duy P không phải chịu trách nhiệm với Quyết định số 31/QĐ-XSKT ngày 04/02/2016 và Quyết định số 115/QĐ-XSKT ngày 30/06/2017, bị cáo Nguyễn Thanh L với chức danh là Giám đốc kiêm Chủ tịch hội đồng quản trị ký vì vậy bị cáo Nguyễn Thanh Lâm L phải chịu.

** Bị cáo Nguyễn Thị Mai X và người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Mai X là ông Phan Minh T6 có ý kiến:*

- Số tiền 184.835.975đ (Một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm bảy mươi lăm đồng) của công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết tỉnh B không phải là tài sản Nhà nước do vậy không có cơ sở khởi tố theo Điều 219 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Cơ quan giám định (Sở T) thu thập, sử dụng tài liệu giám định không đúng quy định; Áp dụng luật mới cho sự việc xảy ra thời gian trước đó dẫn đến kết quả trưng cầu giám định không có độ tin cậy.

- Bị cáo Nguyễn Thị Mai X không được tham gia họp bàn cùng ban lãnh đạo ban hành chủ trương theo quyết định 115 và 31 vì vậy không phải chịu trách nhiệm. Việc thu thập, sử dụng và đánh giá chứng cứ không khách quan, phiến diện có dấu hiệu truy tố oan sai cho bị cáo Nguyễn Thị Mai X.

- Bị cáo Nguyễn Thị Mai X không biết phòng kế hoạch kinh doanh giữ lại phần trăm hoa hồng đại lý.

- Phòng Kế hoạch kinh doanh có giữ lại nhưng chưa quyết toán vì vậy không thể xác định là thiệt hại.

- Cơ quan tiến hành tố tụng có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với ông Đồng Quang L1 và ông Nguyễn Hoàng M2.

- Hai biên bản bảo lưu của kế toán trưởng đều nêu rõ không đồng ý với Quyết định số 31/QĐ-XSKT ngày 04/02/2016 và Quyết định số 115/QĐ-XSKT ngày 30/06/2017 vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

** Phản đối đáp:*

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp đối với ý kiến của bị cáo Nguyễn Thanh L và người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh L là ông Hoàng Đình T4:

- Đối với việc không áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 xử lý hành vi xảy ra trước ngày 01 tháng 01 năm 2018 và hành vi trên bộ luật Hình sự năm 1999 không quy định là hành vi tội phạm vì vậy không thể áp dụng của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử lý hành vi này: Theo Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội: Về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 đã hủy bỏ các quy định tại Điều 165 của

Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội “*Tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*”; tội phạm xảy ra liên tục từ năm 2016 đến sau thời điểm ngày 01/1/2018 vì vậy áp dụng Điều 219 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là phù hợp.

- Đối với việc chưa xác định được tài sản 184.835.975đ (*Một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm bảy mươi lăm đồng*) là tài sản của Nhà nước hay của doanh nghiệp Nhà nước: Theo kết luận giám định của giám định viên và tại phiên tòa hôm nay bà Đinh Thị V2 khẳng định số tiền 184.835.975đ (*Một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm bảy mươi lăm đồng*) trên là tài sản Nhà nước.

- Đối với Quyết định số 31/QĐ-XSKT ngày 04/02/2016 và Quyết định số 115/QĐ-XSKT ngày 30/06/2017 ban hành là phù hợp, đúng thẩm quyền và nội dung: Căn cứ kết luận giám định ngày 20/9/2019 của Giám định viên sở tài chính thì các quyết định này được ký đúng thẩm quyền nhưng không đúng nội dung.

- Đối với quan điểm về việc Số tiền 184.835.975đ (*Một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm bảy mươi lăm đồng*) không thất thoát lãng phí: Giám định viên và kết luận giám định khẳng định số tiền trên đã bị thất thoát lãng phí; ngoài ra công ty X không quản lý, đưa vào sổ sách theo dõi số tiền này, bỏ mặc cho phòng kế hoạch kinh doanh tự chi tiêu và thực tế đã chi tiêu hết nên xác định số tiền này là thất thoát.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp đối với phần ý kiến của bị cáo Hoàng Duy P và người bào chữa cho bị cáo Hoàng Duy P là ông Nguyễn Văn H, ông Dương Lê Ước A:

- Đối với ý kiến bị cáo Hoàng Duy P không được giao tài sản, không có hành vi trái pháp luật gây thất thoát lãng phí vì vậy không phạm tội và bị cáo Hoàng Duy P không phải chịu trách nhiệm với Quyết định số 31/QĐ-XSKT ngày 04/02/2016 và Quyết định số 115/QĐ-XSKT ngày 30/06/2017, bị cáo Nguyễn Thanh L ký thì bị cáo L phải chịu: Trong vụ án này bị cáo Hoàng Duy P là đồng phạm cùng chung ý chí với bị cáo Nguyễn Thanh L về việc về chủ trương chi khoán hoa hồng cho phòng Kế hoạch - Kinh doanh vì vậy bị cáo Hoàng Duy P phải chịu trách nhiệm hình sự.

- Đối với ý kiến bị cáo P không quản lý số tiền 184.835.975đ (*Một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm bảy mươi lăm đồng*), số tiền này do hai trưởng phòng là ông Đồng Quang L1 và ông Nguyễn Hoàng M2 quản lý và có phương án chi theo chỉ đạo của giám đốc kiêm chủ tịch hội đồng là bị cáo Nguyễn Thanh L do vậy phó giám đốc Hoàng Duy P không có vai trò trong việc sử dụng số tiền trên: Bị cáo Hoàng Duy P được phân công phụ trách phòng Kế hoạch – Kinh doanh vì vậy bị cáo Hoàng Duy P buộc phải biết và

nắm được mọi hoạt động của phòng Kế hoạch – Kinh doanh, ngoài ra lời khai của các ông Đồng Quang L1, Nguyễn Hoàng M2 đều thể hiện bị cáo Hoàng Duy P có đi cùng làm việc với phòng Kế hoạch – Kinh doanh và được thể hiện chung số tiền này.

- Đối với ý kiến về việc số tiền 184.835.975đ (*Một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm bảy mươi lăm đồng*) không thất thoát lãng phí: Các kết luận giám định và giám định viên bà Đinh Thị V2 đã khẳng định số tiền này có thất thoát lãng phí.

- Đối với ý kiến vì sao không xử lý hình sự ông Đồng Quang L1 và ông Nguyễn Hoàng M2: Cáo trạng thể hiện rõ hành vi của ông Nguyễn Hoàng M2 và ông Đồng Quang L1 chưa đến mức phải xử lý trách nhiệm hình sự nên Viện kiểm sát không đề nghị xử lý. Nếu các luật sư có yêu cầu đề nghị làm đơn tố cáo gửi cho cơ quan điều tra để thụ lý giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp đối với phần ý kiến của bị cáo Nguyễn Thị Mai X và người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Mai X là ông Phan Minh T6

- Đối với ý kiến số tiền 184.835.975đ (*Một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm bảy mươi lăm đồng*) không phải là tài sản Nhà nước do vậy không có cơ sở khởi tố theo Điều 219 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Cơ quan giám định sở tài chính áp dụng văn bản trong quá trình giám định là không phù hợp: Giám định viên bà Đinh Thị V2 đã khẳng định các văn bản được áp dụng trong quá trình giám định là hoàn toàn phù hợp.

- Đối với ý kiến bị cáo Nguyễn Thị Mai X không được tham gia họp bàn cùng ban lãnh đạo ban hành chủ trương theo Quyết định số 31/QĐ-XSKT ngày 04/02/2016 và Quyết định số 115/QĐ-XSKT ngày 30/06/2017 vì vậy không phải chịu trách nhiệm: Hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Nguyễn Thanh L, bị cáo Hoàng Duy P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng M2 tại phiên tòa đều khẳng định bị cáo Nguyễn Thị Mai X có tham gia cuộc họp để lãnh đạo công ty đưa ra các quyết định này.

- Đối với ý kiến bị cáo Nguyễn Thị Mai X không biết phòng Kế hoạch - Kinh doanh giữ lại phần trăm hoa hồng đại lý: Bị cáo Nguyễn Thị Mai X là kế toán trưởng chịu trách nhiệm về mặt kế toán, tài chính cho công ty, bị cáo Nguyễn Thị Mai Xuân b phải biết vấn đề này ngoài ra các hợp đồng công ty ký với các đại lý đều gửi cho phòng kế toán để làm chứng từ thanh toán.

- Đối với ý kiến phòng Kế hoạch kinh doanh có giữ lại nhưng chưa quyết toán vì vậy không thể xác định là thiệt hại: Giám định viên và kết luận giám định khẳng định số tiền trên đã bị thất thoát lãng phí; ngoài ra công ty TNHH một thành viên Xô số kiến thiết tỉnh B không quản lý, đưa vào sổ sách theo dõi số tiền này, bỏ mặc cho phòng Kế hoạch - Kinh doanh tự chi tiêu và thực tế đã chi tiêu

hết nên xác định số tiền 184.835.975đ (*Một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm bảy mươi lăm đồng*) này là thất thoát.

- Đối với ý kiến hai biên bản bảo lưu của kế toán trưởng đều nêu rõ không đồng ý với Quyết định số 31/QĐ-XSKT ngày 04/02/2016 và Quyết định số 115/QĐ-XSKT ngày 30/06/2017 vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung: Hồ sơ thể hiện bị cáo Nguyễn Thị Mai X có nộp cho cơ quan điều tra ý kiến bảo lưu tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thanh L khẳng định không được nhận, ngoài ra tại kết luận giám định số 34 ngày 12/11/2019 của phòng K1 Công an tỉnh B không xác định được thời gian văn bản trên lập ngày nào.

Vì các căn cứ trên, giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thanh L, Hoàng Duy P và Nguyễn Thị Mai X đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo là có căn cứ, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có cơ sở để khẳng định:

Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh B là doanh nghiệp với 100% vốn Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh B là chủ sở hữu, trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2018, Nguyễn Thanh L Chủ tịch, kiêm Giám đốc Công ty biết Công ty ký hợp đồng để chi trả hoa hồng cho đại lý là 10% (mười phần trăm) đối với xổ số truyền thống, 12% (mười hai phần trăm) đối với xổ số bốc và biết phòng Kế hoạch - Kinh doanh trực thuộc Công ty không phải là đại lý, không được hưởng hoa hồng đại lý nhưng vẫn ký ban hành Quyết định số 31/QĐ-XSKT ngày 04/02/2016 và Quyết định số 115/QĐ-XSKT ngày 30/6/2017 để giao khoán tỷ lệ hoa hồng đại lý cho phòng Kế hoạch - Kinh doanh, đồng thời ký chứng từ kế toán chi hoa hồng đại lý cho phòng Kế hoạch - Kinh doanh 15% (mười năm phần trăm) đối với xổ số bốc và xổ số truyền thống. Dẫn đến để ngoài doanh thu của Công ty số tiền 184.835.975đ (một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm ba năm

ngàn, chín trăm bảy năm đồng), để phòng Kế hoạch - Kinh doanh tự chi tiêu hết số tiền này không có sự quản lý của Công ty gây thất thoát, lãng phí.

Đối với Hoàng Duy P Phó Giám đốc Công ty được giao nhiệm vụ phụ trách phòng Kế hoạch – Kinh doanh, P biết việc chi hoa hồng đại lý phải căn cứ vào hợp đồng giữa Công ty với đại lý, biết phòng Kế hoạch - Kinh doanh không phải là đại lý và không được hưởng hoa hồng đại lý. Quá trình họp bàn, thống nhất ban hành và thực hiện Quyết định số 31/QĐ-XSKT và 115/QĐ-XSKT để giao khoán tỷ lệ hoa hồng đại lý cho phòng Kế hoạch - Kinh doanh 15% đối với xổ số bốc và xổ số truyền thống P nhất trí; khi phụ trách phòng Kế hoạch - Kinh doanh P biết số tiền chênh lệch hoa hồng được phòng Kế hoạch - Kinh doanh tự chi tiêu, hạch toán nhưng không có chỉ đạo, không kiểm tra, giám sát, không báo cáo đến cấp trên việc chênh lệch hoa hồng và việc chi tiêu tiền chênh lệch mà cùng phòng Kế hoạch – Kinh doanh chi tiêu, sử dụng hết số tiền chênh lệch vào các nội dung không đúng quy định, dẫn đến gây thất thoát, lãng phí số tiền 184.835.975đ (*một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm ba mươi năm ngàn, chín trăm bảy mươi năm đồng*) của Nhà nước.

Đối với Nguyễn Thị Mai X kế toán trưởng Công ty biết việc chi hoa hồng đại lý phải căn cứ vào hợp đồng giữa Công ty X với đại lý, Phòng kế hoạch- Kinh doanh không phải là đại lý, không được hưởng hoa hồng đại lý, nhưng khi thanh quyết toán khoản chi hoa hồng đại lý X dựa vào các Quyết định 31/QĐ-XSKT và 115/QĐ-XSKT để trực tiếp ký chứng từ tổng số tiền là 166.346.975đ (*một trăm sáu mươi sáu triệu, ba trăm bốn sáu ngàn, chín trăm bảy năm đồng*). Tham mưu cho Nguyễn Thanh L chủ tài khoản ký Phiếu chi cho Phòng Kế hoạch- Kinh doanh với tỷ lệ 15% (mười năm phần trăm) cho cả hoa hồng đại lý đối với xổ số bốc, xổ số truyền thống, không căn cứ vào hợp đồng giữa Công ty với các đại lý dẫn đến để ngoài doanh thu của Công ty số tiền 166.346.975đ (*một trăm sáu mươi sáu triệu, ba trăm bốn sáu ngàn, chín trăm bảy năm đồng*), để cho phòng Kế hoạch - Kinh doanh tự chi sử dụng hết khoản tiền trên không có sự quản lý của Công ty gây thất thoát, lãng phí. X chịu trách nhiệm là đồng phạm với Nguyễn Thanh L.

Tại kết luận giám định của Giám định viên Sở tài chính tỉnh B các ngày 13/9/2019; 13/3/2020; 29/4/2020 kết luận:

Phòng kế hoạch - kinh doanh Công ty TNHH MTV xổ số kiến thiết tỉnh B không phải là một đơn vị dự toán ngân sách nhà nước; không được lập khoản quỹ riêng từ tiền hoa hồng đại lý; không được chi không qua Giám đốc của Công ty TNHH MTV xổ số kiến thiết tỉnh B.

Phòng kế hoạch- kinh doanh trích lại số tiền 184.835.795 đồng là sai. Thiệt hại cho nhà nước bằng số tiền hoa hồng đại lý Phòng kế hoạch – kinh doanh đã trích lại...

Xét tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, là người có đủ điều kiện để nhận thức hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước dẫn đến hậu quả gây thất thoát, lãng phí tài sản mình được giao quản lý, sử dụng tài sản đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thanh L, Hoàng Duy P và Nguyễn Thị Mai X đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” quy định tại khoản 1 Điều 219 của Bộ luật Hình sự 2015, do vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như đã nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

- Về động cơ, mục đích: các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, các bị cáo biết và buộc phải biết các quy định của pháp luật và các văn bản quy phạm liên quan đến công tác tài chính, kế toán, chức năng, nhiệm vụ của Phòng kế hoạch, kinh doanh Công ty X, tuy không có động cơ mục đích vụ lợi, nhưng các bị cáo đã không làm hết trách nhiệm của mình với vai trò là Chủ tịch kiêm Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách phòng KHKD và Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh B, không kiểm tra đối chiếu với các quy định của pháp luật dẫn đến trực tiếp ký các phiếu chi tiền không đúng về đối tượng, tỷ lệ phần trăm theo quy định làm thất thoát tài sản (tiền) của Nhà nước.

- Về vai trò của các bị cáo: trong vụ án này các bị cáo là đồng phạm giản đơn với nhau, các bị cáo có sự bàn bạc để đưa ra chủ trương, tiếp nhận và cùng chung ý chí về việc chi tiền chi hoa hồng đại lý cho phòng Kế hoạch - Kinh doanh trái quy định; bị cáo Nguyễn Thanh L với vai trò là người đứng đầu Công ty phải chịu trách nhiệm chính, bị cáo Hoàng Duy P là người thực hiện có vai trò quan trọng, bị cáo Nguyễn Thị Mai X là kế toán trưởng trực tiếp tham mưu về công tác kế toán là đồng phạm.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Thanh L, Hoàng Duy P và Nguyễn Thị Mai X đều cho rằng hành vi của bản thân là đúng, không vi phạm pháp luật. Tuy nhiên căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã thu thập được trong quá trình điều tra và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa xác định: các bị cáo là người có chức vụ, quyền hạn và được hưởng thêm khoản tiền phụ cấp chức vụ, các bị cáo bắt buộc phải biết các quy định của pháp luật về tài chính, kế toán và việc quản lý tài sản Nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Thị Mai X cho rằng bản thân không được họp để đưa ra các Quyết định số 31/QĐ-XSKT ngày 04/02/2016 và Quyết định số 115/QĐ-XSKT ngày 30/6/2017, nhưng các bị cáo Nguyễn Thanh L, Hoàng Duy P và người liên quan Nguyễn Hoàng M2 khẳng định cuộc họp có mặt bị cáo Nguyễn Thị Mai X. Ngoài ra đối với các vấn đề về giám định, xác định hậu quả tội phạm, việc gây thất thoát lãng phí, tài sản Nhà nước đã được giám định viên kết luận và trả lời tại phiên tòa.

Đối với bị cáo Hoàng Duy P, bị cáo với vai trò là Phó giám đốc, được giao phụ trách Phòng KHKD và cùng được đi công tác và sử dụng số tiền hoa hồng cùng Phòng KHKD, bị cáo không quan tâm, không làm hết quyền hạn, trách nhiệm của mình; Phòng KHKD sử dụng số tiền hoa hồng một thời gian dài nhưng bị cáo đã đồng ý và không ý kiến về việc này. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm với bị cáo L trong vụ án.

[3]. Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thanh L được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cụ thể như sau: tuy chưa ăn năn, hối cải nhưng đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Quá trình công tác được Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh B tặng 01 Bằng khen năm 2017; 02 Bằng khen của Bộ T11 năm 2015 và 2017; 02 Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh B năm 2013 và 2016; 01 chứng nhận huy hiệu 30 năm tuổi đảng năm 2017 theo điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và chỉ đạo khắc phục hậu quả số tiền bị can gây thất thoát, lãng phí theo điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Hoàng Duy P được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cụ thể như sau: Đã tự nguyện khắc phục một phần số tiền bị can gây thất thoát, lãng phí theo điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tuy chưa ăn năn, hối cải nhưng đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; được UBND tỉnh B, Bộ T11 và Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh B tặng nhiều Bằng khen, giấy khen, có bố để là ông Hoàng Duy C được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, là thương binh hạng 4/4 theo điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị Mai X được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s,v,n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cụ thể như sau: tuy chưa ăn năn,

hối cải nhưng đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; được UBND tỉnh B, sở T và Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh B tặng nhiều Bằng khen, giấy khen, bị cáo có con vào thời gian điều tra, xét xử vụ án xảy ra nên được hưởng điểm n, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là người phạm tội là phụ nữ có thai.

Xét thấy, các bị cáo chưa có tiền án tiền sự, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi của mình đã thực hiện. Các bị cáo là lần đầu phạm tội, từ trước đến nay luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Đảng, quy ước, hương ước tại nơi cư trú, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phải chịu tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng ổn định, đủ khả năng tự cải tạo. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tính răn đe, giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Do phạm tội không vì mục đích vụ lợi cá nhân nên không khấu trừ một phần thu nhập của các bị cáo để sung quỹ Nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không vì mục đích vụ lợi. Do đó, không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Lê N1 được Ủy ban nhân dân tỉnh B ủy quyền với tư cách là nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền bị thất thoát theo quy định.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, Nguyễn Hoàng M2 đại diện cho công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết tỉnh B nộp số tiền 184.840.000đ (một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai số 02041 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn. Tại phiên tòa các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất số tiền là số tiền 184.840.000đ (một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai số 02041 ngày 04 tháng 9 năm 2020 nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn là số tiền để khắc phục hậu quả vì vậy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[6]. Vật chứng trong vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Xét thấy cần tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án gồm các giấy tờ, chứng từ kế toán, sổ sách có liên quan. Cụ thể:

- 01 quyển sổ có bìa màu đỏ, in chìm dòng chữ VIETLOT, đã cũ, đã qua sử dụng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu “X4”;

- 02 tờ giấy, trên đầu trang bên trái có in dòng chữ VIETLOT, các mặt của 02 tờ giấy trên có chữ và số viết tay được niêm phong trong phong bì có ký hiệu “X5”;

- 01 Danh sách Công văn đi năm 2013 đã cũ, đã qua sử dụng; 01 sổ công văn đi năm 2014, quyển số 01 đã cũ, đã qua sử dụng; 01 sổ đăng ký công văn đi năm 2016, quyển số 2016 đã cũ, đã qua sử dụng; 01 sổ đăng ký công văn đi năm 2017, quyển số 01 đã cũ, đã qua sử dụng được niêm phong trong túi niêm phong có ký hiệu “CV1”;

- 41 quyển phiếu chi, phiếu thu từ năm 2016 đến năm 2018 của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết tỉnh B được đựng trong hộp cát tông kín, niêm phong theo quy định.

- Tổng số tiền 392.368.500đ (Ba trăm chín mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm đồng). Cụ thể số tiền 307.458.500đ (Ba trăm linh bảy triệu, bốn trăm năm mươi tám nghìn, năm trăm đồng) được niêm phong trong phong bì có ký hiệu “A1” và số tiền 84.910.000đ (T10 mười tư triệu, chín trăm mười nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì có ký hiệu “B1”) Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết tỉnh B đã nộp trong quá trình điều tra để xử lý các hành vi có dấu hiệu phạm tội nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7]. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thanh L, Hoàng Duy P và Nguyễn Thị Mai X phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8]. Trong vụ án còn có các nội dung:

Ngoài khoản chi sai gây thất thoát, lãng phí nêu trên, từ tháng 01 năm 2013 đến tháng 5 năm 2018 Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh B còn một số vi phạm khác liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản, qua điều tra, đánh giá, xác định chưa đến mức phải xử lý trách nhiệm hình sự, cụ thể như sau:

- *Chi sai tiền làm thêm giờ cho lãnh đạo thời gian trước, trong và sau giờ quay thưởng số tiền 84.904.738đ (tám mươi tư triệu, chín trăm linh bốn nghìn, bảy trăm ba tám đồng):* Thời gian trước, trong và sau giờ mở thưởng hàng ngày theo quy định Công ty TNHH MTV X có Hội đồng giám sát xổ số tỉnh Bắc Kạn giám sát toàn bộ hoạt động của Công ty, Hội đồng giám sát có một Phó Giám đốc làm thư ký thực hiện giám sát trực tiếp các hoạt động trước, trong và sau giờ quay thưởng tại Công ty, tuy nhiên từ đầu năm 2013 Ban Giám đốc Công ty hợp đưa ra chủ trương và thống nhất giao cho Nguyễn Thanh L là Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty giám sát toàn bộ hoạt động của Công ty TNHH MTV X camera thời gian trước, trong và sau giờ quay thưởng vào các buổi tối hằng ngày. Thực hiện chủ trương trên, ngày 21/01/2013 ông Nguyễn Thế K - Phó Giám đốc Công ty ký ban hành Quyết định số 20-A về việc trực lãnh đạo trong các buổi tối

làm việc. Quyết định quy định: “Điều 1: Giao ông Nguyễn Thanh L, Chủ tịch kiêm Giám đốc, trực lãnh đạo các buổi tối hằng ngày, bằng Camera thời gian, trước, trong và sau giờ quay số mở thưởng, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013; Điều 2: Người trực lãnh đạo của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết tỉnh B, có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy chế, quy định của Công ty và chịu mọi chi phí như điện, chi phí khác...”.

Từ tháng 01 năm 2013 đến tháng 01 năm 2014 bà Trần Thị V1 và bà Lưu Thị T8 cán bộ thuộc phòng Tổ chức - Hành chính vận dụng Quyết định số 20-A/QĐ-XSKT tiến hành lập Bảng chấm công làm việc thêm giờ cho người lao động trong Công ty, trong đó có Nguyễn Thanh L. Bản thân L theo dõi, giám sát các hoạt động của Công ty trước, trong và sau giờ mở thưởng khi không trực tại Công ty mà trực tại nhà qua camera, đôi khi có đi kiểm tra thị trường hoặc đến công ty để chỉ đạo giải quyết việc đột xuất ngoài giờ hành chính nhưng không có giấy tờ, văn bản, sổ sách thể hiện việc này. Sau đó, bà Dương Thị N3 - Phó trưởng phòng phụ trách phòng Tổ chức - Hành chính xác nhận vào phần lãnh đạo phòng và lập, ký bảng thanh toán tiền làm thêm giờ cho người lao động trong Công ty, Nguyễn Thị Mai X ký vào phần Kế toán trưởng sau đó cán bộ phòng Tổ chức - Hành chính trình Nguyễn Thanh L ký duyệt và chuyển kế toán viên lập phiếu chi chuyển Nguyễn Thị Mai X kiểm tra, ký chứng từ và Nguyễn Thanh L - Chủ tịch kiêm Giám đốc là chủ tài khoản ký duyệt chi, Thủ quỹ chi tiền theo bảng thanh toán tiền làm thêm giờ. Số tiền Nguyễn Thanh L được hưởng là 84.904.738đ (tám mươi tư triệu, chín trăm linh bốn nghìn, bảy trăm ba tám đồng). Số tiền Nguyễn Thanh L được hưởng do bà Lưu Thị T8 chấm công là 16.989.934đ (mười sáu triệu, chín trăm tám chín nghìn, chín trăm ba tư đồng), do bà Trần Thị V3 chấm công là 67.914.804đ (sáu mươi bảy triệu, chín trăm mười bốn nghìn, tám trăm linh bốn đồng).

Ngày 20/9/2019, Giám định viên Sở T có kết luận: “Việc chi tiền trực lãnh đạo có bảng chấm công nhưng không có căn cứ chấm công do xác định không trực tại Công ty là sai. Thiệt hại cho Nhà nước bằng số tiền ông Nguyễn Thanh L đã hưởng”.

Qua điều tra xác định: Bản thân các Lãnh đạo Công ty, người chấm công, Chủ tài khoản đều không hiểu đầy đủ các quy định của Nhà nước về việc được hưởng tiền làm thêm giờ. Bà Lưu Thị T8 và bà Trần Thị V1 chấm công làm thêm giờ cho Nguyễn Thanh L theo Quyết định 20-A không có căn cứ chấm công do không xác định được Nguyễn Thanh L có đến Công ty để làm việc ngoài giờ hay không và bà Dương Thị N3 - Phó trưởng phòng phụ trách phòng Tổ chức - Hành chính xác nhận vào phần lãnh đạo phòng và lập, ký bảng thanh toán tiền làm thêm giờ cho người lao động trong Công ty nhưng không kiểm tra lại căn cứ

chấm công của Nguyễn Thanh L. Việc chấm công cho Nguyễn Thanh L hưởng tiền là do bản thân bà T8 và bà V1 tự chấm không có sự chỉ đạo của Nguyễn Thanh L hay cá nhân nào khác, Nguyễn Thanh L cũng không chỉ đạo cá nhân nào thực hiện thủ tục và thanh toán cho bản thân được hưởng tiền làm thêm giờ sai quy định, nhưng Nguyễn Thanh L ký duyệt chi số tiền này là sai. Sau khi Thanh tra, kiểm tra và chuyển hồ sơ đến Cơ quan CSĐT, Nguyễn Thanh L đã nhận thức được chi tiền làm thêm giờ trên cho mình hưởng số tiền 84.904.738đ (tám mươi tư triệu, chín trăm linh bốn nghìn, bảy trăm ba tám đồng) và áp dụng các quy định của Nhà nước liên quan đến tài chính là sai nên đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền trên để khắc phục vi phạm. Trách nhiệm chi sai khoản này thuộc về Nguyễn Thanh L - chủ tài khoản, Hà Thị D, Trần Thị V1, Lưu Thị T8.

Hành vi duyệt chi tiền làm thêm giờ không có căn cứ chấm công và hưởng 84.904.738đ (tám mươi tư triệu, chín trăm linh bốn nghìn, bảy trăm ba tám đồng) tiền trực Camera thời gian trước, trong và sau giờ quay thưởng của ông Nguyễn Thanh L không cấu thành tội “Tham ô tài sản” quy định tại Điều 353 của Bộ luật Hình sự, bản thân ông L đã khắc phục hậu quả nên không cần thiết phải xem xét xử lý hình sự đối với hành vi này.

- *Chi tiền trực lãnh đạo thời gian trước, trong và sau giờ quay thưởng theo Quyết định số 38/QĐ-XSKT, ngày 26/02/2014 số tiền 152.800.000đ (một trăm năm hai triệu, tám trăm nghìn đồng):* Từ tháng 02 năm 2014 đến tháng 5 năm 2018 Nguyễn Thanh L được Công ty TNHH MTV X công làm thêm giờ theo Quyết định số 38/QĐ-XSKT để hưởng số tiền 152.800.000đ (một trăm năm hai triệu, tám trăm nghìn đồng) dù không đến Công ty làm việc ngoài giờ hành chính. Qua điều tra xác định Nguyễn Thanh L tự xác định được việc hưởng lợi trên là thiếu căn cứ nên ngày 12/6/2018 đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền trên cho Công ty trước khi Đoàn thanh tra kiểm tra và chuyển vụ việc đến Cơ quan CSĐT điều tra, do vậy không xem xét về trách nhiệm đối với các cá nhân liên quan đến khoản chi này.

- *Chi sai tiền tiếp khách khi đi công tác không có nội dung, chương trình tiếp khách trong các năm 2015; 2017 với số tiền 22.776.500đ (hai mươi hai triệu, bảy trăm bảy sáu nghìn, năm trăm đồng):* Trong năm 2015 và năm 2017 Công ty TNHH MTV xô số kiến thiết tỉnh B chi tổng số tiền 22.776.500đ (hai mươi hai triệu, bảy trăm bảy sáu nghìn, năm trăm đồng) để tiếp các đoàn khách khi đi công tác nhưng không có nội dung, chương trình tiếp khách, các hóa đơn thanh toán không ghi danh sách khách và số lượng khách của các đoàn. Trách nhiệm chi sai khoản này thuộc về Nguyễn Thanh L, các kế toán Nguyễn Thị Mai X, Nguyễn Thị N2, Hoàng Thị Kim T7 và Vũ Thị H1. Quá trình điều tra, thu thập tài liệu xác định việc chi tiếp khách nhằm phục vụ cho lợi ích chung của Công ty, không có

vụ lợi cá nhân không gây thiệt hại cho Nhà nước mà chỉ là thiếu tài liệu trong hồ sơ thanh quyết toán và việc chi tiền tiếp khách này thuộc thẩm quyền chi của Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty theo quy chế chi tiêu nội bộ và Thông tư số 05/2010 của Bộ T11, do vậy kết thúc điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với nội dung chi này.

- *Chi tiền thuê bao Internet tại nhà riêng Nguyễn Thanh L - Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty số tiền 26.870.327đ (hai mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi nghìn, ba trăm hai bảy đồng) sai quy định :* Từ tháng 01 năm 2013 đến tháng 5 năm 2018 căn cứ Quyết định số 20-A, ngày 21/01/2013 về việc trực lãnh đạo trong các buổi tối và Quyết định số 38 ngày 26/02/2014 Quyết định về việc trực lãnh đạo, chỉ đạo trong các buổi tối làm việc, thay thế Quyết định số 20-A của Công ty xổ số kiến thiết tỉnh B. Để phục vụ công tác trực lãnh đạo qua hệ thống camera tại nhà trước, trong và sau giờ quay số mở thưởng Công ty Xổ số kiến thiết tỉnh B cho lắp đặt hệ thống Internet tại nhà riêng của Nguyễn Thanh L và thanh quyết toán cước phí. Qua điều tra thấy đến ngày 12/6/2018, xác định việc lắp đặt Internet tại nhà Nguyễn Thanh L để trực là không đúng quy định, Nguyễn Thanh L đã chủ động trả lại số tiền trên vào Quỹ công ty trước khi các cơ quan chức năng phát hiện. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với các cá nhân liên quan đến khoản chi này là có căn cứ.

- *Thanh toán tiền phụ cấp kiêm nhiệm cho Thư ký Hội đồng giám sát không đúng quy định từ tháng 10/2013 đến tháng 5/2018, số tiền 127.788.000đ (một trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng):* Trong thời gian từ tháng 10/2013 đến tháng 5/2018 Hoàng Duy P và ông Nguyễn Thế K - Phó Giám đốc Công ty Xổ số kiến thiết tỉnh B được giao thay phiên nhau làm Thư ký Hội đồng giám sát và được Công ty T12, quyết toán tiền phụ cấp kiêm nhiệm Thư ký Hội đồng Giám sát. Khi lập chứng từ chi tiền phụ cấp Hội đồng giám sát là căn cứ vào Quyết định số 2124/QĐ-UBND ngày 29/10/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh B và bảng chấm công của Hội đồng giám sát xổ số tỉnh Bắc Kạn, tuy nhiên tại Điều 7, Thông tư số 76/2013/TT-BTC ngày 04/6/2013 của Bộ T11 hướng dẫn về việc thành lập, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động của Hội đồng giám sát xổ số lại quy định đối tượng được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm của Hội đồng giám sát xổ số thì không quy định Thư ký là đối tượng được hưởng, do vậy đã vi phạm Điều 3, Điều 7 thông tư số 76/2013/TT-BTC.

Qua điều tra xác định : Hành vi của các cá nhân liên quan trong nội dung này không cố ý gian lận mà do nhận thức chưa đầy đủ, nên vi phạm Thông tư 76/2013, bởi trước đó Thông tư 74/2007/TT-BTC ngày 04/7/2007 hướng dẫn về thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng giám sát xổ số quy định thì Thư ký Hội đồng giám sát là đối tượng được hưởng phụ cấp như nêu trên. Trách

nhiệm chi sai khoản này thuộc về các cá nhân Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thị Mai X, Nguyễn Thế K, Hoàng Thị Kim T7, Vũ Thị H1, Nguyễn Thị N2. Tự phát hiện thấy nội dung chi này không đúng quy định, vào các ngày 22/6/2018 và ngày 09/7/2018 ông Nguyễn Thế K, Hoàng Duy P đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền bản thân được hưởng không đúng quy định cho. Xét thấy đây là khoản chi phí do Công ty áp dụng quy định pháp luật chưa đúng, các cá nhân đã chủ động nộp lại tiền cho Công ty trước khi Đoàn Thanh tra tỉnh thanh tra và Cơ quan CSĐT Công an tỉnh tiến hành điều tra, vì vậy không xem xét trách nhiệm hình sự đối với các cá nhân trong khoản chi này là phù hợp.

- *Chi tiền mua cặp ca táp không đúng quy định, số tiền 1.680.000đ (một triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng):* Trong năm 2015 bà Dương Thị N3 - Cán bộ Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh B được Công ty giao đi mua 06 cặp ca táp, đơn giá 280.000đ/cặp tổng cộng là 1.680.000đ (một triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Qua điều tra xác định việc mua cặp ca táp không có đề xuất, hóa đơn không có người bán hàng, nhưng nhằm phục vụ cho lợi ích chung của Công ty là có thật, không có tư lợi cá nhân trong nội dung này, vì vậy không xem xét xử lý đối với khoản chi này.

- *Chi tiền gặp mặt tổng kết, kỷ niệm ngày thành lập, mua tuýp chữ, mua hoa tươi hội nghị...không đúng quy định trong năm 2017, số tiền 8.740.000đ (tám triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng):* Năm 2017, quá trình tổ chức các hội nghị Công ty TNHH MTV X đã mua tuýp chữ, hoa tươi để phục vụ hội nghị như Đại hội Chi bộ, Đại hội Công đoàn, Đại hội đoàn. Qua điều tra xác định đây là các hoạt động quan trọng nên việc mua tuýp chữ, hoa tươi phục vụ đại hội là cần thiết và trong năm 2017 Công ty TNHH MTV X nhận được một số giấy mời để tham gia gặp mặt ngày truyền thống, kỷ niệm ngày thành lập của các đơn vị thường xuyên phối hợp công tác với Công ty. Trách nhiệm trong việc chi sai này thuộc về các cá nhân Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thị Mai X, Hoàng thị Kim T7 và các khoản chi phí này là thực tế, không có cá nhân được hưởng lợi, do vậy không xem xét trách nhiệm hình sự đối với các cá nhân liên quan đến khoản chi này.

- *Chi tiền xăng khi không có chương trình, kế hoạch công tác, số tiền 39.050.280đ (ba mươi chín triệu, không trăm năm mươi nghìn, hai trăm tám mươi đồng):* Từ năm 2015 đến tháng 5 năm 2018, quá trình đi công tác Nguyễn Hoàng M2 - Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh trực tiếp lấy xăng của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh B tại cây xăng số C thuộc phường N, thành phố B với tổng số tiền 39.050.280đ (ba mươi chín triệu, không trăm năm mươi nghìn, hai trăm tám mươi đồng), khi lấy xăng không có Lệnh điều xe theo quy định. Kết thúc điều tra xác định trước khi đi công tác M2 không có chương trình, kế hoạch công tác, không phải là người được giao quản lý, sử dụng xăng của

Công ty, tuy nhiên việc M2 lấy xăng là để phục vụ việc đi kiểm tra tình hình hoạt động thực tế của các đại lý tại các huyện, xã trên địa bàn tỉnh, M2 không có tư lợi, động cơ cá nhân, việc lấy xăng là để phục vụ việc chung của Công ty (đã được Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh B xác nhận) do vậy cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với các cá nhân liên quan đến khoản chi này là có căn cứ.

- *Chi tiền phòng nghỉ sai nguyên tắc, không đúng chế độ từ năm 2015 đến năm 2017 số tiền 31.980.000đ (ba mươi một triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng):* Từ năm 2015 đến hết năm 2017 Công ty TNHH MTV X kiến thiết tỉnh đã chi 31.980.000đ (ba mươi một triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng) tiền nghỉ cho các đoàn thuộc Công ty Xổ số các tỉnh Cao Bằng, Thái Nguyên, Yên Bái, Hà Nội, Tuyên Quang, Khánh Hòa, Bạc Liêu, Hưng Yên ...khi các đoàn này đến Công ty X công tác, trao đổi học tập kinh nghiệm.

Quá trình điều tra xác định từ năm 2015 đến hết năm 2017 Công ty TNHH MTV X có tổng cộng 67 lượt cán bộ nhân viên đi công tác, học tập kinh nghiệm tại các tỉnh ngoài và ngủ lại tổng 32 đêm nhưng Công ty không phải thanh toán tiền nghỉ qua đêm cho cán bộ mà do các Công ty Xổ số các tỉnh bàn đài thọ; mặc dù việc chi tiền phòng nghỉ cho khách của Công ty là sai đối tượng, trách nhiệm trong việc chi sai này thuộc về các cá nhân gồm Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thị Mai X, Hoàng Thị Kim T7, Nguyễn Thị N2, Vũ Thị H1. Căn cứ tình hình thực tế việc chi tiền này không có cá nhân nào được hưởng lợi, không gây thiệt hại. Do vậy, không xem xét xử lý về hình sự đối với các cá nhân có liên quan là phù hợp.

Đối với ông Nguyễn Thế K - Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV X: Quá trình điều tra xác định ông K được Ban giám đốc Công ty giao ký Quyết định số 20-A/QĐ-XSKT ngày 21/01/2013, nhưng Quyết định này không quy định về số tiền được hưởng và quy định phải thực hiện theo quy chế, quy định của Công ty, không quy định Nguyễn Thanh L trực camera tại đâu; ngoài ra các chứng từ duyệt chi tuy căn cứ vào Quyết định 20-A nhưng thực chất duyệt chi cho Nguyễn Thanh L hưởng tiền đều là làm việc ngoài giờ chứ không phải là hưởng tiền trực camera tại nhà. Vì vậy không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông K về việc quyết toán, chi sai tiền làm thêm giờ cho lãnh đạo thời gian trước, trong và sau giờ quay thưởng với số tiền 84.904.738đ (tám mươi tư triệu, chín trăm linh bốn nghìn, bảy trăm ba tám đồng).

Về trách nhiệm trong việc chi sai tiền phần trăm hoa hồng cho phòng Kế hoạch – Kinh doanh: Ông K là Phó Giám đốc Công ty được cùng Ban Giám đốc Công ty B thống nhất trước khi Nguyễn Thanh L ký ban hành các Quyết định số 31/QĐ-XSKT và Quyết định số 115/QĐ-XSKT giao khoán tỷ lệ hoa hồng vé xổ số Bốc, xổ số Truyền thống cho phòng Kế hoạch - Kinh doanh dẫn tới Công ty để

ngoài doanh thu số tiền 184.835.975 đồng, phòng Kế hoạch - Kinh doanh tự sử dụng gây thất thoát, lãng phí cho Nhà nước, ông K trong Ban Giám đốc Công ty có phần liên đới trách nhiệm, nhưng chưa đến mức phải xem xét xử lý bằng pháp luật hình sự. Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh xem xét kiến nghị UBND tỉnh B và Công ty TNHH MTV X xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định là phù hợp.

Đối với ông Đồng Quang L1 - Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính: Việc ký duyệt chi tiền phần trăm hoa hồng đại lý vào các hoạt động của phòng Kế hoạch – Kinh doanh: Từ tháng 02/2016 đến ngày 14/5/2017 ông Đồng Quang L1 giữ chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh biết phòng Kế hoạch - Kinh doanh không phải là đại lý nhưng lại được hưởng tiền hoa hồng đại lý, biết có sự chênh lệch số tiền giao khoán cho phòng Kế hoạch - Kinh doanh giữa hợp đồng Công ty ký với các đại lý nhưng vẫn giữ và sử dụng số tiền 90.661.900đ (chín mươi triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn, chín trăm đồng) vào các hoạt động của phòng, ký duyệt chi sai quy định về kế toán tài chính, sử dụng gây thất thoát, lãng phí cho Nhà nước. Quá trình điều tra xác định không có vụ lợi cá nhân, hành vi của ông L1 là vi phạm pháp luật. số tiền do ông L1 duyệt chi gây thất thoát, lãng phí chưa đến mức xử lý về hình sự, nhưng cần xem xét xử lý bằng biện pháp khác. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh sẽ kiến nghị UBND tỉnh B và Công ty TNHH MTV X xem xét xử lý trách nhiệm đối với ông L1 theo quy định.

Về việc thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Ban Giám đốc Công ty Xỏ số kiến thiết tỉnh, ông Đồng Quang L1 trực tiếp soạn thảo Quyết định số 115/QĐ-XSKT, ngày 30/6/2017 để trình Nguyễn Thanh L - Chủ tịch kiêm Giám đốc ký ban hành là nguyên nhân dẫn đến việc phòng Kế hoạch - Kinh doanh giữ lại và sử dụng tổng số tiền 81.570.700 đồng (tám mươi một triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm đồng). Kết thúc điều tra xác định toàn bộ nội dung trong Quyết định số 115/QĐ-XSKT đều thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Ban Giám đốc Công ty, vì vậy không xem xét trách nhiệm đối với ông L1 về nội dung này.

Đối với ông Nguyễn Hoàng M2: với vai trò là Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh, từ ngày 15/7/2017 đến tháng 4/2019 dù biết phòng Kế hoạch - Kinh doanh không phải là đại lý nhưng lại được hưởng tiền hoa hồng đại lý, biết có sự chênh lệch số tiền giao khoán cho phòng Kế hoạch - Kinh doanh giữa hợp đồng Công ty với các đại lý nhưng vẫn giữ và sử dụng số tiền 94.174.075đ (chín mươi tư triệu, một trăm bảy mươi nghìn, không trăm bảy mươi năm đồng) vào các hoạt động của phòng; ký duyệt chi sai quy định về kế toán tài chính, sử dụng gây thất thoát, lãng phí cho Nhà nước số tiền 94.174.075đ (chín mươi tư triệu, một trăm bảy mươi nghìn, không trăm bảy mươi năm đồng). Qua điều tra xác định ông M2 không vụ lợi cá nhân, số tiền duyệt chi gây thất thoát, lãng phí chưa đến mức xử lý về hình sự,

nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh kiến nghị Công ty và UBND tỉnh xem xét xử lý theo quy định là phù hợp.

Đối với bà Hà Thị D - Phó trưởng phòng Kiểm soát doanh thu và trả thưởng: Là người trực tiếp soạn thảo Quyết định số 31/QĐ-XSKT ngày 04/02/2016 đề trình Nguyễn Thanh L - Chủ tịch kiêm Giám đốc ký ban hành là nguyên nhân dẫn đến việc phòng Kế hoạch - Kinh doanh không phải là đại lý nhưng lại được hưởng tiền hoa hồng đại lý số tiền 103.562.275đ (một trăm linh ba triệu, năm trăm sáu hai nghìn, hai trăm bảy năm đồng). Qua điều tra xác định bà D khi soạn thảo quyết định thực hiện theo chỉ đạo của Ban Giám đốc Công ty Xỏ số kiến thiết tỉnh, vì vậy không có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà D.

Đối với các cá nhân Dương Thị N3, Trần Thị V1 và Lưu Thị T8: Trần Thị V1 và Lưu Thị T8 là người chấm công làm thêm giờ, Dương Thị N3 xác nhận bảng chấm công cho Nguyễn Thanh L không có cơ sở với tổng số tiền 84.904.738đ (tám mươi tư triệu, chín trăm linh bốn nghìn, bảy trăm ba tám đồng). Qua điều tra xác định: Dương Thị N3, Trần Thị V1 và Lưu Thị T8 là người làm công ăn lương và thực hiện theo Quyết định số 20-A/QĐ-XSKT, ngày 21/01/2013 của Công ty để chấm công làm thêm giờ cho Nguyễn Thanh L, nên Cơ quan CSĐT không xem xét trách nhiệm hình sự đối với các cá nhân trên, xem xét kiến nghị UBND tỉnh B và Công ty X, xử lý theo quy định là có căn cứ.

Đối với các Kế toán viên: Hoàng Thị Kim T7, Nguyễn Thị N2, Đoàn Thị H2 và Vũ Thị H1: Quá trình điều tra xác định việc lập chứng từ của Hoàng Thị Kim T7, Nguyễn Thị N2, Đoàn Thị H2, Vũ Thị H1 khi không có Hợp đồng Đại lý, không có Bản xác nhận giữa Công ty TNHH MTV X với các Đại lý xỏ số về số lượng vé xỏ số đại lý đã tiêu thụ được trong kỳ là thiếu chứng từ kế toán khi thanh toán; chứng từ còn thiếu các tài liệu và không căn cứ vào hợp đồng được ký kết giữa Công ty X kiến thiết tỉnh với các đại lý xỏ số theo quy định tại Nghị định số 30/2007/NĐ-CP ngày 01/3/2007 của Chính phủ; Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ; Thông tư 01/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ T11; Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04/6/2013 của Bộ T11 mà căn cứ vào các Quyết định số 31/QĐ-XSKT và Quyết định số 115/QĐ-XSKT của Công ty để Nguyễn Thị Mai X với vai trò Kế toán trưởng ký chứng từ, Nguyễn Thanh L chủ tài khoản duyệt chi tổng số tiền 184.835.975đ (một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm ba mươi năm nghìn, chín trăm bảy mươi năm đồng) để phòng Kế hoạch - Kinh doanh tự sử dụng số tiền này gây thất thoát, lãng phí cho tài sản Nhà nước. Trong tổng số tiền 184.835.975đ, các kế toán viên lập chứng từ thanh toán cho phòng Kế hoạch – Kinh doanh như sau: Hoàng Thị Kim T7 120.854.225đ (một trăm hai mươi triệu, tám trăm năm mươi nghìn, hai trăm hai năm đồng), Nguyễn Thị N2 8.316.000đ (tám triệu, ba trăm

mười sáu nghìn đồng), Vũ Thị H1 48.903.200đ (bốn mươi tám triệu, chín trăm linh ba nghìn, hai trăm đồng) và Đoàn Thị H2 là 6.762.550đ (sáu triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm năm mươi đồng).

Qua điều tra xác định các kế toán viên Hoàng Thị Kim T7, Nguyễn Thị N2, Vũ Thị H1, Đoàn Thị H2 lập, kiểm tra chứng từ duyệt cho Phòng Kế hoạch – Kinh doanh theo lối mòn và theo trình tự, thủ tục thanh toán từ trước khi ban hành các Quyết định số 31/QĐ-XSKT và Quyết định số 115/QĐ-XSKT. Khi các Quyết định trên có hiệu lực thực hiện, các kế toán viên chỉ điều chỉnh lại tỷ lệ phần trăm hoa hồng trên chứng từ phù hợp với các Quyết định số 31/QĐ-XSKT và Quyết định số 115/QĐ-XSKT để thanh toán cho phòng Kế hoạch – Kinh doanh. Bản thân các kế toán viên cũng không biết bộ chứng từ thanh toán là sai, thiếu, không biết các Quyết định số 31/QĐ-XSKT và Quyết định số 115/QĐ-XSKT có nội dung sai quy định về đối tượng được hưởng phần trăm hoa hồng; ngoài ra các Kế toán viên là người có mối quan hệ lệ thuộc là người làm công hưởng lương, chấp hành nhiệm vụ theo chỉ đạo của cấp trên, không được cùng bàn bạc, thống nhất với Ban Giám đốc và thành khẩn khai báo, do vậy không cần thiết xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Hoàng Thị Kim T7, Nguyễn Thị N2, Đoàn Thị H2, Vũ Thị H1. Hành vi của Hoàng Thị Kim T7, Nguyễn Thị N2, Đoàn Thị H2, Vũ Thị H1 đã vi phạm điểm a, khoản 2, điều 7, Nghị định số 105/2013/NĐ-CP, ngày 16/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập. Nhưng hành vi vi phạm trên đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo khoản 1, điều 3, Nghị định 105/2013/NĐ-CP, ngày 16/9/2013 của Chính phủ. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh không chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán để xem xét xử phạt, mà kiến nghị Công ty TNHH MTV X xem xét xử lý theo quy định là có căn cứ.

[9]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng điều luật, tình tiết giảm nhẹ, mức độ hình phạt, bổ sung và xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Thanh L, Hoàng Duy P và Nguyễn Thị Mai X phạm tội "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 219; Điều 36; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh L cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 219; Điều 17; Điều 36; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Hoàng Duy P 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 219; Điều 17; Điều 36; điểm s, v, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mai X 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Thanh L, Hoàng Duy P và Nguyễn Thị Mai X.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589; 590; 591; 592 của Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo nộp lại ngân sách Nhà nước số tiền 184.835.975đ (Một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm bảy mươi lăm đồng) là số tiền thất thoát. Ghi nhận các bị cáo đã khắc phục số tiền 184.840,000đ (Một trăm tám mươi tư triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai số 02041 ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để sung quỹ Nhà nước.

4. Vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

* Lưu theo hồ sơ vụ án các giấy tờ, chứng từ kế toán, sổ sách có liên quan.
Cụ thể:

- 01 quyển sổ có bìa màu đỏ, in chìm dòng chữ VIETLOT, đã cũ, đã qua sử dụng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu “X4”;
- 02 tờ giấy, trên đầu trang bên trái có in dòng chữ VIETLOT, các mặt của 02 tờ giấy trên có chữ và số viết tay được niêm phong trong phong bì có ký hiệu “X5”;
- 01 Danh sách Công văn đi năm 2013 đã cũ, đã qua sử dụng; 01 sổ công văn đi năm 2014, quyển số 01 đã cũ, đã qua sử dụng; 01 sổ đăng ký công văn đi năm 2016, quyển số 2016 đã cũ, đã qua sử dụng; 01 sổ đăng ký công văn đi năm 2017, quyển số 01 đã cũ, đã qua sử dụng được niêm phong trong túi niêm phong có ký hiệu “CV1”;
- 41 quyển phiếu chi, phiếu thu từ năm 2016 đến năm 2018 của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết tỉnh B được đựng trong hộp cát tông kín, niêm phong theo quy định.

* Số tiền 392.368.500đ (Ba trăm chín mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm đồng). Cụ thể số tiền 307.458.500đ (Ba trăm linh bảy triệu, bốn trăm năm mươi tám nghìn, năm trăm đồng) được niêm phong trong phong bì có ký hiệu “A1” và số tiền 84.910.000đ (Tám mươi tư triệu, chín trăm mười nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì có ký hiệu “B1”) Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh B đã nộp trong quá trình điều tra để xử lý các hành vi có dấu hiệu phạm tội nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

(Tình trạng như Biên bản bàn giao vật chứng giữa cơ quan Công an tỉnh B và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn)

Ngoài ra còn 01 thùng tài liệu bị cáo Nguyễn Thị Mai X nộp tại giai đoạn xét xử, lưu theo hồ sơ vụ án.

5. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thanh L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Hoàng Duy P phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Thị Mai X phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, nguyên đơn dân sự, những người bào chữa cho các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh BK;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- THAHS;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hà Quang Huy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Đình Bảo – Lương Kim Phong

Hà Quang Huy